

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

THỜI KHÓA BIỂU TOÀN TRƯỜNG HỌC KỲ 02 NĂM HỌC 2024-2025

Đợt 7, từ ngày 23/06/2025 đến ngày 23/08/2025

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian	Phòng học
1	KT1002	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	Ghép_MT8030_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
2	XD3009	Các phương pháp số	2	XD3009_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Trình Tự Lực	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M7.01
3	NM8221	Cấu tạo nội thất	2	Ghép_NT8221_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
4	NT8221	Cấu tạo nội thất	2	NT8221_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Vũ Anh Tuấn	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M8.02_X NT1
5	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8	Đào Thị Mai	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
6	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8	Đào Thị Mai	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
7	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8	Trần Thị Vân	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	Online
8	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH4	23/6 23/6	10/8 3/8	Trần Thị Vân	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
9	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_LH5	23/6 23/6	10/8 3/8	Lại Thị Huệ	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
10	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Kiều	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	M7.01
11	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Phạm Thị Hà Giang	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M7.01
12	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_LH1	7/7 7/7	10/8 10/8	Ngô Quang Hưng	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	M7.01
13	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_LH2	7/7 7/7	10/8 10/8	Ngô Quang Hưng	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M7.01
14	XD3012	Cơ học công trình	3	Ghép_XD3002_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
15	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Trần Thị Thúy Vân	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	M7.02
16	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Phạm Văn Trung	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M7.02
17	XD3006	Cơ học kết cấu 2	3	XD3006_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Trình Tự Lực	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M7.02
18	XD3006	Cơ học kết cấu 2	3	XD3006_LH2	23/6 23/6	17/8 17/8	Đinh Thúy Hà	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M7.02
19	XD3005.2	Cơ kết cấu 1	2	Ghép_XD3005_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	
20	NM8409.1	Công nghệ may trang phục 3	2	Ghép_MT8409_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	

21	MT8409	Công nghệ may trang phục 3	2	MT8409_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Lê Thị Hồng Quyên	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M20.1_XT T2
22	NM6502.3	Công nghệ và vật liệu mới trong nội thất	1	Ghép_NM6502.4_LH	23/6	27/7			
23	NM6502.4	Công nghệ, vật liệu trong nội thất	1	NM6502.4_LH	23/6	27/7	Nguyễn Văn Hiệu	Thứ 4(T10-12)	M8.04_X NT2
24	NT86023	Công nghệ, vật liệu trong nội thất	1	Ghép_NM6502.4_LH	23/6	27/7		Thứ 4(T10-12)	
25	QL5040.2	ĐA định mức và đơn giá trong XD	2	QL5040.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Nguyễn Thu Hương	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M7.02
26	XD3202.3	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép 1 (E)	2	Ghép_XD3202.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	
27	XD3204	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	XD3204_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Nguyễn Tất Tâm	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M7.06
28	XD3202	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1	2	Ghép_XD3202.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	
29	XD3204.1	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P2 (E)	2	Ghép_XD3204_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
30	QL5020	ĐA Lập và phân tích dự án	2	QL5020_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Vũ Phương Ngân	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M9.01
31	NM8019	Design thị giác	2	Ghép_MT8019_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
32	MT8019	Design thị giác	2	MT8019_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Trần Anh Dũng	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	Gallery 1
33	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Đỗ Minh Tính	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	M9.01
34	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Phan Tự Hường	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M9.01
35	QL5515	Địa lý kinh tế và dân cư	2	Ghép_QH1102.2_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	
36	QH1102.2	Địa lý kinh tế và địa lý dân cư	2	QH1102.2_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Thanh Hòa (QH)	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M9.01
37	DT2113	Đồ án cấp nước đô thị	1	Ghép_DT2035_LH	23/6	3/8		Thứ 4(T2-6)	
38	DT2441	Đồ án Cấp thoát nước công trình	2	Ghép_DT2202.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
39	NT8625	Đồ án cơ sở	3	Ghép_NM8225_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	
40	NM8225	Đồ án cơ sở	3	NM8225_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Trần Thanh Tùng	Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	M8.04_X NT2
41	DT2006.1	Đồ án công trình đô thị	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
42	DT2006	Đồ án Công trình đô thị	1	Ghép_DT2035_LH	23/6	3/8		Thứ 4(T2-6)	
43	DT2116.2	Đồ án công trình thu và trạm bơm nước cấp	1	Ghép_DT2035_LH	23/6	3/8		Thứ 7(T2-6)	
44	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	(XD) Nguyễn Thị Thu Hà	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M9.01

45	XD3302	Đồ án Kết cấu thép P1	2	XD3302_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	(XD) Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M9.02
46	XD3304	Đồ án Kết cấu thép P2	2	XD3304_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Chu Thị Hoàng Anh	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M9.02
47	XD3304.1	Đồ án kết cấu thép P2 (E)	2	Ghép_XD3304_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	
48	QL5001.3	Đồ án kinh tế xây dựng	2	QL5001.3_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Hoàng Thị Hằng Nga	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M9.02
49	XD3502	Đồ án Kỹ thuật thi công 1	2	Ghép_XD3502.2_LH1	23/6	3/8		Thứ 4(T8-12)	
50	XD3502	Đồ án Kỹ thuật thi công 1	2	Ghép_XD3502.2_LH2	23/6	3/8		Thứ 7(T8-12)	
51	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_LH1	23/6 23/6	3/8 3/8	Võ Văn Dân	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M9.01
52	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_LH2	23/6 23/6	3/8 3/8	Nguyễn Cảnh Cường	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M9.03
53	XD3502.3	Đồ án kỹ thuật thi công 1 (E) (2 tín)	2	Ghép_XD3502.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
54	XD3503_T C	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	2	Ghép_XD3503.1_LH	23/6	20/7		Thứ 4(T2-6)	
55	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	Ghép_XD3503.1_LH	23/6	20/7		Thứ 4(T2-6)	
56	XD3503.1	Đồ án kỹ thuật thi công 2	1	XD3503.1_LH	23/6	20/7	Ngô Quang Tuấn	Thứ 4(T2-6)	M9.03
57	DT2109.1	Đồ án mạng lưới cấp nước đô thị	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
58	DT2202.1	Đồ án mạng lưới thoát nước đô thị	2	DT2202.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	(ĐT) Nguyễn Thị Thu Hà	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M9.03
59	XD3107	Đồ án Nền và móng	2	Ghép_XD3107.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
60	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Võ Thị Thu Hường	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M9.03
61	XD3107.3	Đồ án nền và móng (E) (2 tín)	2	Ghép_XD3107.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
62	DT2004.2	Đồ án quy hoạch giao thông 1	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
63	DT2035	Đồ án quy hoạch giao thông 2	2	DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	(DT) Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M9.05
64	DT2107.2	Đồ án thi công công trình cấp thoát nước	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
65	DT2002	Đồ án thiết kế đường đô thị	2	Ghép_DT2202.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
66	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Trương Kỳ Khôi	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M9.05
67	XD3505	Đồ án Tổ chức và QL thi công (TCTC)	2	Ghép_XD3526_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	
68	DT2020.1	Đồ án xây dựng đường	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	

69	DT1828	Đồ án Xử lý chất thải lỏng	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
70	DT2111.4	Đồ án xử lý nước cấp cho sinh hoạt	2	Ghép_DT2035_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
71	NM8431	Đồ họa thời trang 2	2	Ghép_MT8431_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
72	MT8431	Đồ họa thời trang 2	2	MT8431_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Phạm Thị Mai Hoa	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M19.1_X ĐH2
73	NM8111	Đồ họa tranh khắc	3	Ghép_MT8111_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 2(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
74	MT8111	Đồ họa tranh khắc	3	MT8111_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8	Vũ Thị Nguyệt	Thứ 4(T2-6)Thứ 2(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M19.5_XT T1
75	GD4501	Giáo dục thể chất P1	1	GD4501_LH1	23/6	27/7	Dương Thanh Tùng	Thứ 4(T1-3)	NTĐ2
76	GD4502	Giáo dục thể chất P2	1	GD4502_LH1	23/6	27/7	Lý Văn Tuấn	Thứ 4(T4-6)	NTĐ2
77	GD4502	Giáo dục thể chất P2	1	GD4502_LH2	23/6	27/7	Cao Văn Ba	Thứ 4(T7-9)	NTĐ2
78	GD4503	Giáo dục thể chất P3	1	GD4503_LH1	23/6	27/7	Đào Công Chương	Thứ 4(T10-12)	NTĐ3
79	GD4503	Giáo dục thể chất P3	1	GD4503_LH2	23/6	27/7	Cao Tiến Long	Thứ 4(T1-3)	NTĐ3
80	KT0101	Hình học họa hình	2	KT0101_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Đào Thu Thủy	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
81	KT0102	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	3	Ghép_KT0101.1_LH3	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
82	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Đào Đức Thiện	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
83	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Vũ Đức Cảnh	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
84	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH3	23/6 23/6	27/7 27/7	Đào Thu Thủy	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
85	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH4	23/6 23/6	27/7 27/7	Giang Thị Thu Hiền	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	Online
86	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_LH5	23/6 23/6	27/7 27/7	Hoàng Minh Hùng (KT01)	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
87	QL5016	Hợp đồng trong xây dựng	2	Ghép_QL5022_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	
88	QL5022	Hợp đồng trong xây dựng	2	QL5022_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Việt Hòa	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M9.05
89	XD3216_T C	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	Ghép_XD3201_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	
90	XD3201	Kết cấu bê tông cốt thép P1	3	XD3201_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	(XD) Nguyễn Thị Thu Hà	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M9.06
91	XD3220	Kết cấu bê tông cốt thép và gạch đá	3	XD3220_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Phùng Thị Hoài Hương	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M9.06
92	XD3211	Kết cấu BTCT - Gạch đá	2	Ghép_XD3218_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	

93	XD3014	Kết cấu mới trong xây dựng	2	XD3014_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Phạm Phú Tình	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M7.01
94	XD3014	Kết cấu mới trong xây dựng	2	XD3014_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Thế Anh	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M7.02
95	XD3303	Kết cấu thép P2	2	Ghép_XD3320_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	
96	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Giáp Văn Tấn	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M7.03
97	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M7.07
98	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_LH3	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Vũ Thiêm	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M7.05
99	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Tất Tâm	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M7.05
100	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Hiệp Đồng	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	M7.07
101	KCXD03	Kết cấu và xây dựng 3	2	Ghép_XD3320_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	
102	XD3320	Kết cấu và xây dựng 3	2	XD3320_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thanh Tùng	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M7.07
103	XD3320	Kết cấu và xây dựng 3	2	XD3320_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Vũ Lệ Quyên	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M7.07
104	XD3002.1	Kết cấu xây dựng 1	3	XD3002.1_LH	23/6 23/6	17/8 17/8	Đào Ngọc Tiến	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M7.06
105	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8	Đoàn Thị Hồng Lam	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
106	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8	Đoàn Thị Hồng Lam	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
107	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8	Trần Thị Vân	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
108	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH4	23/6 23/6	10/8 3/8	Đoàn Thị Hồng Lam	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
109	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_LH5	23/6 23/6	10/8 3/8	Trần Thị Vân	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
110	QL5002.1	Kinh tế đầu tư	3	Ghép_QL5009_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
111	QL5009	Kinh tế đầu tư	3	QL5009_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Lê Việt Hòa	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
112	QL5514	Kinh tế học	2	QL5514_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Kiều Nga	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
113	QL5506	Kinh tế học (cơ sở)	2	Ghép_QL5514_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	
114	QL5001.4	Kinh tế xây dựng 1	2	Ghép_QL5001.1_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7			
115	QL5001.1	Kinh tế xây dựng 1	2	QL5001.1_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Bùi Thị Ngọc Lan	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M9.02
116	QL5001.1	Kinh tế xây dựng 1	2	QL5001.1_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	Online

117	DT2427	Kỹ thuật chiếu sáng công trình	2	DT2427_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Vũ Hữu Thắng	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M9.02
118	DT2427	Kỹ thuật chiếu sáng công trình	2	DT2427_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Xuân Hồng	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M9.02
119	QHDQ01	Lập quy hoạch 1 - Quy hoạch nhóm nhà ở	2	QHDQ01_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Đỗ Minh Huyền	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M12.2_X QH1
120	QHDQ22	Lập quy hoạch 2 - Quy hoạch bảo tồn	3	Ghép_QHDQ06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
121	QHDQ03	Lập quy hoạch 3 - Thiết kế đô thị	3	QHDQ03_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Hoàng Khiêm	Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	M12.2_X QH1
122	QHDQ04	Lập quy hoạch 4 - QH XD Điểm dân cư nông thôn	3	QHDQ04_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Hồng Quang	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M12.2_X QH1
123	QHDQ05.1	Lập quy hoạch 5 - QH các khu chức năng	3	QHDQ05.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Anh Vũ	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M12.2_X QH1
124	QHDQ06	Lập quy hoạch 6 - QH chung đô thị	3	Ghép_QHDQ06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
125	QHDQ06.1	Lập quy hoạch 6 - Quy hoạch chung đô thị	3	QHDQ06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Lê Minh Ánh	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M12.4_X QH2
126	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8	Lại Thị Huệ	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
127	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8	Tạ Ánh Tuyết	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
128	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8	Tạ Ánh Tuyết	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	Online
129	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH4	23/6 23/6	10/8 3/8	Lại Thị Huệ	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	Online
130	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH5	23/6 23/6	10/8 3/8	Lại Thị Huệ	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
131	CT40_TC	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	Ghép_CT4002_LH3	23/6 23/6	10/8 3/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	Online
132	NM0207	Lịch sử nghệ thuật	2	Ghép_MT8507_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
133	MT8507	Lịch sử nghệ thuật	2	MT8507_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Cao Thị Vân	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M13.01
134	NM8219	Lịch sử nội thất	2	Ghép_NT8619_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	
135	NT8619	Lịch sử nội thất	2	NT8619_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Vương Ngọc Hải	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
136	QH1601.1	Lý thuyết thiết kế đô thị 1	2	QH1601.1_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Ngô Kiên Thi	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M13.01
137	QL5510	Marketing trong xây dựng	2	Ghép_QL5513_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	
138	QL5513	Marketing trong XD và phát triển đô thị	2	QL5513_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Kiều Nga	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
139	XD3528	Máy xây dựng	2	XD3528_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Phi Long	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M13.01
140	MT8509	Mĩ học	2	Ghép_NM0209_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	

141	NM0210	Mĩ học	2	Ghép-NM0209_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	
142	NM0209	Mĩ học	2	NM0209_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Cao Thị Vân	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M13.01
143	XD3106	Nền và móng	3	XD3106_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M13.02
144	NM8020	Nghệ thuật ảnh	2	Ghép_MT80201_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
145	NM8020.1	Nghệ thuật ảnh	2	Ghép_MT80201_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
146	MT80201	Nghệ thuật ảnh	2	MT80201_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Phạm Hoàng Văn	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M13.02
147	MT8124	Nghệ thuật chữ	2	Ghép_NM8124_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	
148	NM8124	Nghệ thuật chữ	2	NM8124_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Vũ Thị Nguyệt	Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	M19.1_X ĐH2
149	NM8029	Nghệ thuật sắp đặt	2	Ghép_MT8030_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
150	NM8001.1	Nhân trắc học	2	Ghép_MT8019_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
151	QL4614	Nhập môn quản lý đô thị	2	QL4614_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Ngô Bảo Ngọc	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	Online
152	XD3011.1	Ổn định và động lực học công trình	2	Ghép_XD3011_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	
153	XD3011	Ổn định và động lực học công trình	2	XD3011_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Trương Mạnh Khuyến	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M13.02
154	QL5029	Phân tích hoạt động SXKD trong DNXD	2	QL5029_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Công Thành	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M13.02
155	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_LH1	23/6	27/7	Trần Thị Thúy Vân	Thứ 4(T4-6)	M13.01
156	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_LH2	23/6	27/7	Trần Thị Thúy Vân	Thứ 4(T1-3)	M13.01
157	QL5519	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	Ghép_QL5012.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
158	QL5012.1	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5012.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Hoàng Ngọc Phương	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M13.02
159	QL4607.3	Quản lý đất đai đô thị	2	Ghép_QL4607.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
160	QL4607.1	Quản lý đất đai đô thị	2	QL4607.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Phạm Thị Thanh Mừng	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M13.03
161	QL4816	Quản lý tài chính công	2	QL4816_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Thu Giang	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	Online
162	MT8416	Sáng tác thời trang 1	2	Ghép_NM8416.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
163	NM8416.1	Sáng tác thời trang 1	2	NM8416.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Phạm Thị Mai Hoa	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M20.1_XT T2
164	XD3004_T C	Sức bền vật liệu	5	Ghép_XD3003_LH1+X D3001_LH1	23/6 23/6 23/6	27/7 17/8 10/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4- 6)Thứ 5(T4-6)	

165	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Lê Hữu Thanh	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M7.07
166	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Đào Ngọc Khoa	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M9.05
167	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Thùy Liên	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M9.01
168	QL4824	Tài chính tiền tệ	3	QL4824_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Lê Thu Giang	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
169	NM8213	Tạo dáng công nghiệp	2	Ghép_NT8213_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
170	NT8213	Tạo dáng công nghiệp	2	NT8213_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Văn Hiệu	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M8.02_X NT1
171	QHDQ13	Thiết kế cảnh quan 1 - TKCQ Vườn hoa, công viên	3	QHDQ13_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Huy Dân	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M12.05
172	QHDQ15	Thiết kế cảnh quan 3 - TKCQ Khu vực đi sán	4	QHDQ15_LH	23/6 21/7 23/6	17/8 17/8 17/8	Nguyễn Tuấn Anh (81)	Thứ 4(T8-12)Thứ 2(T8-12)Thứ 7(T8- 12)	M12.01
173	MT8102	Thiết kế Đồ họa 2	3	Ghép_NM8102_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 2(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
174	NM8102	Thiết kế đồ họa 2	3	NM8102_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8	Bế Diễm Nương	Thứ 4(T2-6)Thứ 2(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M13.05
175	NM8104	Thiết kế đồ họa 4	2	Ghép_MT8104_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	
176	MT8104	Thiết kế Đồ họa 4	2	MT8104_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Bùi Diệu Ly	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M19.1_X ĐH2
177	NM8105	Thiết kế đồ họa 5	2	Ghép_MT8105_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
178	MT8105	Thiết kế Đồ họa 5	2	MT8105_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Tạ Kim Chi	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M13.06
179	NM8106.1	Thiết kế đồ họa 6	3	Ghép_MT8106_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 2(T8-12)Thứ 7(T8- 12)	
180	NM8106	Thiết kế đồ họa 6	2	Ghép_MT8106_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8		Thứ 2(T8-12)Thứ 7(T8-12)Thứ 4(T8- 12)	
181	MT8106	Thiết kế Đồ họa 6	3	MT8106_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8	Bùi Diệu Ly	Thứ 4(T8-12)Thứ 2(T8-12)Thứ 7(T8- 12)	M13.06
182	NM8107.1	Thiết kế đồ họa 7	2	Ghép_MT81071_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
183	NM8107	Thiết kế đồ họa 7	3	Ghép_MT81071_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
184	MT81071	Thiết kế Đồ họa 7	2	MT81071_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Tạ Kim Chi	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M19.1_X ĐH2
185	KTDK01	Thiết kế kiến trúc 1	2	KTDK01_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Vũ Đức Cảnh	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M15.1_X K1
186	KTDK10	Thiết kế Kiến trúc 10	6	KTDK10_LH	23/6 23/6 23/6	17/8 10/8 10/8	Vương Hải Long	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)Thứ 5(T8- 12)Thứ 2(T8-12)	M15.5_X K2
187	KTDK03	Thiết kế kiến trúc 3	2	Ghép_KTDK03.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
188	KTDK03.1	Thiết kế kiến trúc 3	3	KTDK03.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Đặng Hoàng Vũ	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M16.1_X K3

189	KTDK04.1	Thiết kế kiến trúc 4	3	Ghép_KTDK04_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	
190	KTDK04	Thiết kế Kiến trúc 4	2	KTDK04_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Tạ Lan Nhi	Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	M16.5_X K4
191	KTDK05.1	Thiết kế kiến trúc 5	3	Ghép_KTDK05_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
192	KTDK05	Thiết kế Kiến trúc 5	3	KTDK05_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Phạm Việt Hải	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M17.1_X K5
193	KTDK06	Thiết kế Kiến trúc 6	2	Ghép_KTDK06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
194	KTDK06.1	Thiết kế Kiến trúc 6	3	KTDK06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Quốc Khánh	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M17.5_X K6
195	KTDK07	Thiết kế Kiến trúc 7	3	KTDK07_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Trần Liêm	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M15.5_X K2
196	KTDK07	Thiết kế Kiến trúc 7	3	KTDK07_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8	Vũ Đức Hoàng	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M15.5_X K2
197	KTDK08	Thiết kế Kiến trúc 8	3	KTDK08_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Trần Liêm	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M16.5_X K4
198	KTDK09	Thiết kế Kiến trúc 9	4	KTDK09_LH	23/6 4/8 23/6	17/8 17/8 17/8	Nguyễn Trí Thành	Thứ 4(T2-6)Thứ 2(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M16.5_X K4
199	MT8406	Thiết kế kỹ thuật trang phục 2	2	Ghép_NM8406.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	
200	NM8406.2	Thiết kế kỹ thuật trang phục 2	2	NM8406.2_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Phạm Thị Yến	Thứ 2(T8-12)Thứ 5(T8-12)	M20.1_XT T2
201	MT8412	Thiết kế kỹ thuật trang phục 3	2	Ghép_NM8412.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
202	NM8412.1	Thiết kế kỹ thuật trang phục 3	2	NM8412.1_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Phạm Thị Yến	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M20.1_XT T2
203	QHDQ09.1	Thiết kế nhanh 1	1	QHDQ09.1_LH	23/6	3/8	Đỗ Minh Huyền	Thứ 4(T2-6)	M12.4_X QH2
204	NM8201	Thiết kế nội thất 1	3	Ghép_NT8601_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
205	NT8601	Thiết kế nội thất 1	3	NT8601_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Đỗ Đức Cường	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M8.02_X NT1
206	NM8202.1	Thiết kế nội thất 2	3	Ghép_NT8602_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
207	NT8602	Thiết kế nội thất 2	3	NT8602_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Hoàng Đỗ Khánh Nhật	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M8.04_X NT2
208	NT8203	Thiết kế nội thất 3	3	Ghép_NM8203.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
209	NM8203.1	Thiết kế nội thất 3	3	NM8203.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thanh Vân	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M10.2_X NT3
210	NT82041	Thiết kế nội thất 4	3	NT82041_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thùy Trang	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M8.04_X NT2
211	NM8204	Thiết kế nội thất 4 (công trình cộng 1)	2	Ghép_NM8203.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
212	NM8205.1	Thiết kế nội thất 5	3	NM8205.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Trần Ngọc Thanh Trang	Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	M10.4_X NT4

213	NM8206	Thiết kế nội thất 6	3	Ghép_NM8205.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T2-6)Thứ 7(T2-6)	
214	NM8206.1	Thiết kế nội thất 6	3	NM8206.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ 2(T2-6)Thứ 5(T2-6)	M10.4_X NT4
215	NM8207.1	Thiết kế nội thất 7	2	Ghép_KTDK06.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
216	NM8207.1	Thiết kế nội thất 7	2	Ghép_NM8206.1_LH	23/6 23/6	17/8 10/8		Thứ 2(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
217	NT82121	Thiết kế sân vườn	2	Ghép_NM8212.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
218	NM8212.1	Thiết kế sân vườn	2	NM8212.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Bùi Chí Định	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M10.2_X NT3
219	KT0405	Thiết kế ý tưởng	2	KT0405_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Trần Liêm	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M15.1_X K1
220	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	(ĐT) Nguyễn Minh Ngọc	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	M9.05
221	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	(ĐT) Nguyễn Minh Ngọc	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M9.06
222	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_LH1(NK)	23/6 23/6	27/7 27/7	Chu Anh Đạt	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	Online
223	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_LH2(NK)	23/6 23/6	27/7 27/7	Bùi Thị Ngọc Thủy	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
224	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_LH3(NK)	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T1-3)	Online
225	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_LH4(NK)	23/6 23/6	27/7 27/7	Chu Anh Đạt	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
226	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_LH(CNTT)	23/6 23/6	27/7 27/7	Bùi Thị Ngọc Thủy	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
227	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Hồ Phương Thảo	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
228	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8	Phạm Lê Hoa	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
229	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH3	23/6 23/6	17/8 10/8	Hồ Phương Thảo	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
230	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_LH4	23/6 23/6	17/8 10/8	Trần Thị Dung	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
231	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	Online
232	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8	Mai Lan Phương	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online
233	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH3	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
234	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_LH4	23/6 23/6	17/8 10/8	Mai Lan Phương	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online
235	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Trần Thị Dung	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
236	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	Online

237	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_LH2	23/6 23/6	10/8 17/8	Mai Lan Phương	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)	Online
238	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_LH3	23/6 23/6	17/8 10/8	Phạm Lê Hoa	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	Online
239	NN3803	Tiếng Pháp chuyên ngành	2	NN3803_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Trần Ngọc Mai	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	Online
240	TH4301	Tin học đại cương	2	TH4301_LH	23/6 23/6	27/7 20/7	Trần Văn Thắng	Thứ 2(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M5.05
241	TH4482	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4419_LH1	23/6 23/6	27/7 20/7		Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	
242	TH4401B	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4419_LH2	23/6 23/6	27/7 20/7		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
243	TH4401	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4419_LH2	23/6 23/6	27/7 20/7		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
244	TH4419	Tin học ứng dụng	2	TH4419_LH1	23/6 23/6	27/7 20/7	Ngô Thanh Thảo	Thứ 3(T8-12)Thứ 6(T8-12)	M5.05
245	TH4419	Tin học ứng dụng	2	TH4419_LH2	23/6 23/6	27/7 20/7	Đàm Văn Thành	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M5.06
246	TC2607	Toán	2	Ghép_TC2603.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
247	TC2603	Toán P1	3	Ghép_TC2603.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	
248	TC2603.1	Toán P1	2	TC2603.1_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Đặng Đình Hanh	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)	M13.07
249	DT1908	Trắc địa	2	DT1908_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Tạ Thanh Loan	Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)	M13.07
250	DT1908	Trắc địa	2	DT1908_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Bùi Văn Deo	Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	M13.07
251	DT2301_TC	Trắc địa	3	Ghép_DT1908_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	
252	NM0211	Trang trí công trình	2	Ghép_MT8019_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
253	NM8030	Trang trí truyền thống	2	Ghép_MT8030_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	
254	MT8030	Trang trí truyền thống	2	MT8030_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Cao Thị Vân	Thứ 4(T8-12)Thứ 7(T8-12)	M19.1_X ĐH2
255	NM8330	Tranh kính	2	Ghép_MT8330_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
256	MT8330	Tranh kính	2	MT8330_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Nguyễn Hữu Tùng	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M19.5_XT T1
257	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH1	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8	Tạ Ánh Tuyết	Thứ 2(T10-12)Thứ 7(T10-12)Thứ 5(T10-12)	Online
258	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH2	23/6 28/7 23/6	17/8 17/8 17/8	Đào Thị Mai	Thứ 3(T10-12)Thứ 7(T10-12)Thứ 6(T10-12)	Online
259	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH3	23/6 23/6 28/7	17/8 17/8 17/8	Đoàn Thị Hồng Lam	Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)Thứ 7(T1-3)	Online
260	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH4	23/6 23/6 28/7	17/8 17/8 17/8	Tạ Ánh Tuyết	Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)Thứ 7(T4-6)	Online
261	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_LH1	23/6 23/6	10/8 3/8	Phạm Khánh Dư	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	Online

262	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_LH2	23/6 23/6	10/8 3/8	Phạm Khánh Dư	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	Online
263	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_LH3	23/6 23/6	3/8 10/8	(CT) Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	Online
264	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_LH4	23/6 23/6	3/8 10/8	(CT) Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	Online
265	MT85222	Văn hóa Việt Nam	2	Ghép_NM8022.2_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	
266	NM8022	Văn hóa Việt Nam	2	Ghép_NM8022.2_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	
267	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	NM8022.2_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7	Cao Thị Vân	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M9.02
268	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	NM8022.2_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Cao Thị Vân	Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)	M9.03
269	QH1603	Vật liệu cảnh quan và Thiết kế đô thị	2	QH1603_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Ngô Kiên Thi	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M11.01
270	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_LH1	23/6 23/6	17/8 10/8	Đỗ Trọng Toàn	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M11.01
271	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_LH2	23/6 23/6	17/8 10/8	Nguyễn Khắc Kỳ	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M11.01
272	XD2801	Vật liệu xây dựng P1	2	XD2801_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Phạm Thanh Mai	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M11.02
273	TC2702	Vật lý P2	2	TC2702_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Nguyễn Thị Thu Hoà	Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)	M11.03
274	KT0103	Vẽ kỹ thuật	2	Ghép_KT0101.1_LH1	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)	
275	TC2606_TC	Xác suất thống kê	2	Ghép_TC2606_LH	23/6 23/6	27/7 27/7		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	
276	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_LH	23/6 23/6	27/7 27/7	Trần Phương Dung	Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)	M11.03
277	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_LH2	23/6 23/6	27/7 27/7	Trần Thị Lệ Thanh	Thứ 3(T10-12)Thứ 6(T10-12)	M11.03
278	NM8434	Xử lý bề mặt vải	2	Ghép_MT8434_LH	23/6 23/6	3/8 3/8		Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	
279	MT8434	Xử lý bề mặt vải	2	MT8434_LH	23/6 23/6	3/8 3/8	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thứ 3(T2-6)Thứ 6(T2-6)	M20.5_XT T3

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

